TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/KDTM-ST
Ngày: 04-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Nguyễn Thanh Cần.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lềnh Khâm Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 140/2024/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST–KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH T1, địa chỉ: T đất số 1327, tờ bản đồ số 45, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Quốc S, sinh năm 2001, địa chỉ: số H, đường N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2024), ông S có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH S1, địa chỉ: Thửa đất số 282, tờ bản đồ số 30, đường U, tổ E, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Thanh T, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Vào ngày 02 tháng 01 năm 2021, Công ty TNHH T1 (viết tắt là Công ty T1) và Công ty TNHH S1 (viết tắt là Công ty S1) có ký hợp đồng mua bán nguyên tắc số 02/2021-TS với nội dung thỏa thuận mua bán mặt hàng ván lạng. Đơn hàng, số lượng, giá sẽ căn cứ trên từng đơn hàng cụ thể. Hai bên thỏa thuận thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

Thực hiện hợp đồng này, Công ty T1 đã bán cho Công ty S1 hàng hóa theo các hóa đơn sau:

-Hóa đơn số 558 ngày 28/10/2021, số tiền 369.281.367 đồng; đã thanh toán 2.360.953 đồng; còn lại 366.920.414 đồng.

-Hóa đơn số 580 ngày 27/11/2021, số tiền 7.892.822 đồng, chưa thanh toán.

-Hóa đơn số 654 ngày 26/2/2022, số tiền 128.841.522 đồng, chưa thanh toán.

-Hóa đơn số 692 ngày 31/3/2022, số tiền 267.616.947 đồng, chưa thanh toán.

-Hóa đơn số 76 ngày 28/6/2022, số tiền 10.579.368 đồng, chưa thanh toán.

Tổng giá trị xuất hóa đơn hàng hóa là: 784.212.026 đồng, đã thanh toán 2.360.953 đồng; còn lại chưa thanh toán số tiền: 781.851.073 đồng.

Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty S1 phải thanh toán cho Công ty T1 nợ gốc: 781.851.073 đồng; tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử 04/03/2025 với lãi suất 0,02%/ngày (tức 7,3%/ năm) theo Hợp đồng mua bán nguyên tắc số 02/2021-TS là 167.055.284 đồng, cụ thể:

-Tiền lãi của Hóa đơn số 558 ngày 28/10/2021 là 83.878.007 đồng;

-Tiền lãi của Hóa đơn số 580 ngày 27/11/2021 là 1.756.942 đồng;

-Tiền lãi của Hóa đơn số 654 ngày 26/02/2022 là 26.360.975 đồng

-Tiền lãi của Hóa đơn số 692 ngày 31/3/2022 là 53.148.726 đồng

-Tiền lãi của Hóa đơn số 76 ngày 28/6/2022 là 1.910.634 đồng.

Tổng cả nợ gốc và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là: 948.906.357 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH S1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét thấy việc nguyên đơn Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty S1 phải trả số tiền còn nợ, xuất phát từ việc mua bán hàng hóa là ván lạng, đây là vụ án kinh doanh thương mại: "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa". Bị đơn có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là Công ty S1, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nguyên đơn Công ty TNHH T1 yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 781.851.073 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là 167.055.284 đồng tương ứng với lãi suất 7,3%/năm.

[4] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Công ty TNHH T1 đưa ra các Phiếu xuất hàng, Hóa đơn số 558 ngày 28/10/2021, số tiền 369.281.367 đồng; Hóa đơn số 580 ngày 27/11/2021, số tiền 7.892.822 đồng, Hóa đơn số 654 ngày 26/2/2022, số tiền 128.841.522 đồng, Hóa đơn số 692 ngày 31/3/2022, số tiền 267.616.947 đồng, Hóa đơn số 76 ngày 28/6/2022, số tiền 10.579.368 đồng, bảng sao kê tài khoản Ngân hàng. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Công ty S1 đều không có mặt, như vậy Công ty S1 đã từ bỏ quyền chứng minh của bị đơn đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Tòa án triệu tập hợp lệ Công ty S1 tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng Công ty S1 vẫn không có mặt là đã từ bỏ quyền phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, xác định Công ty S1 không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Phiếu giao hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, Giấy báo có, Công ty TNHH T1 xác định đã cung cấp hàng hóa cho Công ty S1 với tổng giá trị là 784.212.026 đồng, là phù hợp với giá trị hàng hóa, hóa đơn Công ty S1 đã nhận và Công văn số 9158/CCTKV-KTr1 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thuế khu vực T2 về việc Công ty S1 có kê khai khấu trừ thuế đối với các hóa đơn nêu trên. Như vậy, có căn cứ xác định, bị đơn Công ty S1 có quan hệ mua bán hàng hóa và còn nợ số tiền 781.851.073 đồng.

[6] Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Công ty S1 đã nhận hàng nhưng không thanh toán tiền hàng là vi phạm thỏa thuận do đó cần buộc Công ty S1 thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền còn nợ là số tiền 781.851.073 đồng.

[7] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Công ty S1 đã không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Công ty TNHH T1 nên phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho Công ty TNHH T1. Tại phiên tòa, Công ty TNHH T1 yêu cầu Công ty S1 phải thanh toán tiền lãi trên khoản nợ còn lại với mức lãi suất là 7,3%/năm = 167.055.284 đồng. Tại thời điểm xét xử, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 12,5%/năm, tương đương 1,041%/tháng (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ là 12%/năm, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 là 13,5%/năm, tại Ngân hàng N là 12%/năm). Lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với Điều 306 của Luật Thương mại, phù hợp với Hợp đồng mua bán nguyên tắc số 02/2021-TS và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[10] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 280, Điều 289, Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH S1 .

Buộc Công ty TNHH S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền 948.906.357 (Chín trăm bốn mươi tám triệu chín trăm linh sáu nghìn ba trăm năm mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc 781.851.073 (bảy trăm tám mươi một triệu

tám trăm năm mươi một nghìn không trăm bảy mươi ba) đồng, tiền lãi chậm trả là 167.055.284 (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi tư) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 7,3%/năm theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán nguyên tắc số 02/2021-TS ngày 02/01/2021 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH S1 phải chịu 40.467.191 (bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm chín mươi một) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH T1 số tiền 20.900.000 (hai mươi triệu chín trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/0004251 ngày 13-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân UyêT2.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chữ Cần

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thảo **Nguyễn Thanh Cần** **Nguyễn Chữ Cần**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thảo **Nguyễn Thanh Cần** **Nguyễn Chữ Cần**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chữ Cần